
Bản án số: 12/2020/DSPT
Ngày 25 tháng 02 năm 2020
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Trung

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Ông Vũ Việt Dũng

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dư-Cán bộ TAND TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Võ Hồng
Thắng-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa:

-Nguyên đơn: Ông Đặng Vinh Q, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số X3 đường D, phường N, TP Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 20 tháng 02 năm 2020):

Bà Trần Thị Kim P, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Số X3 đường D, thành phố Đà Nẵng.

-Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm: 1992-ông Nguyễn M, sinh năm: 1990

Cùng địa chỉ: KX/8 đường H, thành phố Đà Nẵng.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị Kim P, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Số X3 đường D, thành phố Đà Nẵng.

2/ Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1972.

Trú tại: KX/8 đường H, thành phố Đà Nẵng.

3/ Ông Nguyễn H, sinh năm: 1964-bà Lê Thị T, sinh năm: 1964.

Cùng trú tại: Tổ X thôn B, xã T, huyện V, TP Đà Nẵng.

(ông H vắng mặt, bà T có mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Nguyên đơn, ông Đặng Vinh Q trình bày:

Thông qua mối quan hệ quen biết giữa mẹ tôi và ông Nguyễn Tiến D, tôi có cho cháu ông D là vợ chồng Nguyễn M-Trần Thị C vay: 170.000.000đ. Ông M-bà C đã viết giấy mượn tiền vào ngày 14/3/2017, các bên cũng đã thỏa thuận miệng lãi suất vay là 20%/năm. Tuy nhiên đến nay, ông M-bà C chưa trả cho tôi số tiền trên.

Tôi khởi kiện yêu cầu ông M-bà C phải trả số tiền 170.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi.

-Bị đơn, ông Nguyễn M trình bày:

Vào tháng 4/2017, do ông Nguyễn H và bà Lê Thị T vay tiền tại Ngân hàng TMCP V nhưng quá hạn thanh toán nên ngân hàng không đồng ý cho vay lại, vợ chồng bà T đã nhờ vợ chồng tôi đứng tên hộ trong giấy tờ nhà đất để làm giúp thủ tục đáo hạn ngân hàng. Để trả nợ ngân hàng, chúng tôi cùng gặp bà P để mượn 170.000.000đ. bà P đồng ý và yêu cầu bà T viết giấy nhận nợ 170.000.000đ cho con trai bà P là ông Đặng Vinh Q và giữ CMND, sổ hộ khẩu của bà T, ông H làm tin. Sau khi bà T trả tiền cho ngân hàng, bà P đã làm thủ tục sang tên nhà đất tại tổ X thôn B,

xã T, huyện V từ vợ chồng bà T sang cho vợ chồng tôi đứng tên. Đồng thời bà P yêu cầu vợ chồng tôi viết giấy nhận nợ số tiền 170.000.000đ đã đưa cho bà T vay trả nợ ngân hàng trước đó. Ngoài ra bà P còn giữ của vợ chồng tôi CMND, sổ hộ khẩu, giấy tờ nhà đất tại tổ X thôn B, xã T. Sau khi làm xong thủ tục rút tiền vay, tôi đã giao toàn bộ cho bà T để bà T trả nợ cho bà P nhưng bà P chỉ trả lại cho tôi CMND, sổ hộ khẩu; bà P không trả lại giấy vay tiền và nói sẽ về hủy sau.

Nay ông Đặng Vinh Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi thanh toán số tiền 170.000.000đ, tôi không đồng ý vì thực tế đã thanh toán xong.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Tôi có nhận làm thủ tục đáo hạn ngân hàng cho ông Nguyễn H và bà Lê Thị T. Do ông H và bà T thuộc nhóm nợ xấu, ngân hàng không đồng ý cho vay tiếp nên các bên thỏa thuận sang tên quyền sử dụng đất và nhà ở tại tổ 0X thôn B từ tên ông H và bà T cho ông Nguyễn M và bà Trần Thị C. Để có tiền trả nợ ngân hàng, tôi đã giới thiệu cho bà T vay của mẹ con bà Trần Thị Kim P 170.000.000đ. Bà P là người trực tiếp đưa tiền cho bà T. Đồng thời, bà P giữ sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T ông H.

Sau khi làm thủ tục sang tên nhà đất, ông M và bà C đã vay giúp cho vợ chồng bà T số tiền 230.000.000đ. Ngay sau khi nhận tiền thì bà T đã trả lại cho mẹ con bà P 170.000.000đ đã vay nhưng do tin tưởng nên không lấy lại giấy vay tiền mà ông M và bà C đã lập.

Nay ông Đặng Vinh Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn M và bà Trần Thị C trả số tiền 170.000.000đ là không D vì đã trả xong.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Kim P trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Tiến D đều làm dịch vụ cho vay, đáo hạn ngân hàng nên ông D đã nhiều lần vay tiền và giới thiệu khách đến vay tiền của tôi.

Vào đầu tháng 3/2017, ông D cùng với bà Lê Thị T đến nhà tôi đặt vấn đề mượn tiền cho vợ chồng bà T đáo hạn ngân hàng, tôi đồng ý. Con trai tôi là Đặng Vinh Q đưa tiền cho vợ chồng bà T mượn, hai bên thỏa thuận số tiền là 160.000.000đ

và tiền lãi là 10.000.000đ. Tôi là người thay mặt ông Q giao tiền cho bà T. Ngay sau khi trả xong tiền cho ngân hàng, bà T đã giao giấy chứng nhận đối với nhà đất tại tổ 01, thôn La Bông, xã Hòa Tiến, cho tôi giữ làm tin.

Vào ngày 14/3/2017, ông D đặt vấn đề là ông Nguyễn M đang mua nhà đất của vợ chồng bà T, tại thôn B, xã T nhưng thiếu tiền nên muốn mượn tôi 170.000.000đ, sau khi sang tên nhà đất thì vợ chồng ông M sẽ vay lại tiền ngân hàng để trả. Con trai tôi là Đặng Vinh Q cho mượn. Sau đó ông D viết giấy mượn lại các giấy tờ về nhà đất mà tôi đang giữ để làm thủ tục chuyển nhượng, đồng thời gọi cho vợ chồng ông M để viết giấy vay 170.000.000đ của ông Đặng Vinh Q. Trong thời gian chờ ông Q đem tiền đến, ông D bảo vợ chồng ông M ký xong về trước, còn tiền để ông D ở lại nhận giúp. Sau đó ông Q đã nhờ bà Đặng Thị X cầm hộ tiền đến giao cho tôi và tôi đã giao cho ông D 170.000.000đ.

Vào ngày 14/4/2017, ông D báo với tôi là vợ chồng ông M và vợ chồng bà T đã thỏa thuận xong việc chuyển nhượng nhà đất và đang chờ công chứng nên gọi đến nhờ ký làm chứng. Khi tôi đến, chỉ có bà T, ông D, chưa có vợ chồng ông M, do tôi có việc nên ông D có đưa cho tôi quyển sổ rồi bảo ký trước vào một tờ giấy trắng chưa ghi chữ nên tôi đã ký và ghi ngày vào. Những nội dung trong tờ giấy cam kết mặt sau có chữ ký làm chứng của tôi mà bà T đã cung cấp là do ông Nguyễn M tự ghi sau, do vậy mới có việc ông M đã ghi vào cuối giấy cam kết là “Đà Nẵng, ngày 26/4/2017” tức ngày viết sau khi tôi ký làm chứng 12 ngày.

Vào ngày 24/4/2017, ông Nguyễn M tiếp tục vay thêm của ông Đặng Vinh Q số tiền 70.000.000đ.

Đến ngày 28/4/2017, bà T báo tôi đến ngân hàng để nhận tiền trả nợ cho ông Q. Trong lúc các bên chờ nhận tiền vay thì vợ chồng ông M đi trước. Sau khi nhận tiền, bà T đưa trả tôi số tiền 170.000.000đ và nhận lại giấy vay tiền đã viết trước đó rồi cũng rời đi. Khi còn lại hai người, tôi yêu cầu ông D trả lại số tiền 240.000.000đ mà ông M và bà C đã mượn của ông Q thì ông D đưa ra tờ thông báo của ngân hàng là chỉ đồng ý cho vay tối đa 240.000.000đ nên chưa trả được và hứa sẽ chịu trách

nhiệm về khoản vay này, nếu ông M không trả được nợ thì sau khi làm được giấy tờ lô đất ở đường T, ông D sẽ bán và trả cho ông Q toàn bộ số tiền nợ của ông M.

Do vậy, không có việc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C viết giấy mượn tiền ngày 14/3/2017 với mục đích bảo lãnh cho khoản tiền 170.000.000đ của vợ chồng bà Lê Thị T, không có việc nhận tiền như ông Nguyễn M và ông Nguyễn Tiến D đã trình bày.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T trình bày:

Vào năm 2017, vợ chồng tôi đến hạn trả nợ ngân hàng nhưng không có tiền trả nên đã nhờ ông Nguyễn Tiến D hướng dẫn làm thủ tục đáo hạn. Sau đó ông D giới thiệu tôi đến vay của bà P số tiền 170.000.000đ bao gồm cả tiền lãi để trả cho ngân hàng. Khi vay, bà P yêu cầu tôi viết giấy vay tiền của con trai bà P là ông Đặng Vinh Q. Đồng thời với việc yêu cầu vợ chồng tôi viết giấy nhận nợ, bà P còn yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn M viết giấy bảo lãnh về khoản vay của vợ chồng tôi, còn các bên đã viết những nội dung gì thì tôi không biết.

Do thuộc nhóm nợ xấu, ngân hàng không cho vay lại tiền nên vợ chồng tôi đã làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất tại thôn B, xã T, huyện V cho ông Nguyễn M và bà Trần Thị C đứng tên hộ để thế chấp vay ngân hàng số tiền 230.000.000đ. Ngay sau khi ký hợp đồng vay tiền tại ngân hàng, vợ chồng ông M có dặn tôi lấy hộ giấy tờ mà vợ chồng ông M đã viết hiện do bà P đang giữ nhưng tôi chỉ nhớ lấy giấy tờ vay mượn của mình mà quên không lấy giấy tờ cho vợ chồng ông M.

Đối với giấy viết có chữ ký của ông Nguyễn M và bà Trần Thị C có nội dung ông M và bà C có vay của ông Đặng Vinh Q 170.000.000đ thì tôi không chứng kiến khi các bên viết nội dung này. Đây là nội dung ông M-bà C viết để đảm bảo cho khoản vay 170.000.000đ của vợ chồng tôi và đã trả xong cho mẹ con bà P, không còn liên quan đến vợ chồng ông M.

Với nội dung trên, án dân sự đã xử và quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 235, 244, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điều 463, 466, 468 của bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền 57.000.000đ nguyên đơn.

II/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của ông Đặng Vinh Q đối với ông Nguyễn M và bà Trần Thị C.

1. Buộc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền 170.000.000đ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C phải chịu 8.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 4.250.000đ theo biên lai thu số 4461 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, TP. Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, ông Nguyễn M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án sơ thẩm buộc vợ chồng ông phải trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền 170.000.000 đồng là không có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Ông Đặng Vinh Q khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng buộc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C phải trả số tiền 170.000.000đ.

[2] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 28/8/2019, Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Vinh Q, buộc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C phải trả cho ông Đặng Vinh Q 170.000.000đ.

[3] Xem xét kháng cáo của ông Nguyễn M thấy:

[3.1] Bà Lê Thị T và ông Nguyễn H có nhu cầu vay tiền ngân hàng nhưng do bà T và ông H thuộc diện nợ xấu nên không thể vay được. Trên cơ sở ông Nguyễn Tiến D là chú ruột của ông Nguyễn M. Ông D là bạn bè, quen biết với bà T và bà Trần Thị Kim P nên giữa ông D, bà T-ông H và ông Nguyễn M-bà Trần Thị C thống nhất là bà T-ông H sẽ làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất của bà T-ông H cho vợ chồng ông M-bà C, để ông M-bà C vay tiền giúp tại ngân hàng cho bà T-ông H. Thực hiện thỏa thuận trên, ngày 14/4/2017 bà T-ông H đã làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất của mình tại thôn B, xã T, huyện V cho ông M-bà C, được Phòng Công chứng số X thành phố Đà Nẵng chứng thực cùng ngày 14/4/2017. Sau khi nhận chuyển nhượng, ngày 28/4/2017 ông M-bà C vay của Ngân hàng T số tiền 240.000.00đ theo Hợp đồng tín dụng Trung-Dài hạn số: PCMO.CN.01/280417.

[3.2] Do trước đó, bà T-ông H đã thế chấp nhà đất tại thôn B, xã T cho Ngân hàng V để vay tiền nên bà T phải mượn của ông Đặng Vinh Q, do bà Trần Thị Kim P giao, số tiền: 170.000.000đ để trả cho Ngân hàng V mới rút giấy chứng nhận đối với nhà đất đã thế chấp và làm thủ tục chuyển nhượng cho ông M-bà C như trên. Sau khi ông M-bà C vay Ngân hàng Tín 240.000.000đ, ông M-bà C đã giao cho bà T số tiền vay để bà T trả cho mẹ con bà P. bà T, bà P đều xác nhận số tiền bà T mượn của mẹ con bà P là 170.000.000đ và bà T đã trả xong.

[3.3] Tuy nhiên, theo bà T: Khi bà T vay tiền của bà P vì do nhà đất đã đứng tên ông M-bà C nên ngoài việc bà T viết giấy nợ cho mẹ con bà P, bà P còn yêu cầu ông M-bà C viết giấy mượn con bà P là ông Đặng Vinh Q, số tiền: 170.000.000đ, phòng trường hợp là bà T không trả được thì ông M-bà C phải trả cho bà P vì bà T

không còn tài sản gì để đảm bảo rằng bà T có khả năng trả cho bà P. Sau khi ông M-bà C vay 240.000.000đ tại Ngân hàng T, ông M giao toàn bộ số tiền vay cho bà T, bà T đã trả cho bà P 170.000.000đ và đã hủy giấy nợ giữa bà T với bà P nhưng các bên không hủy giấy nợ do ông M-bà C viết nợ ông Q nên hiện nay vẫn tồn tại một giấy nợ mà ông Q làm căn cứ khởi kiện đòi ông M-bà C trả. Còn bà P thì cho rằng: Số tiền mà ông M-bà C viết giấy nợ cho ông Đặng Vinh Q là khoản nợ riêng, không liên quan gì đến khoản tiền mà bà T vay mẹ con bà.

[3.4] Xem xét số tiền 170.000.000đ do ông Đặng Vinh Q khởi kiện ông M-bà C theo giấy ghi nợ không ghi ngày, tháng, năm có phải là số tiền mà bà T vay của bà P, ông Q hay không thì thấy:

[3.4.1] *Thứ nhất:* Căn cứ vào giấy cam kết ngày 26/4/2017 thì thể hiện là thông qua hợp đồng chuyển nhượng nhà đất, ông M-bà C đứng chủ sở hữu nhà đất tại thôn B, xã T là để vay giúp tiền cho bà T. Khi lập giấy cam kết có bà Trần Thị Kim P và ông Nguyễn Tiến D là những người làm chứng. Theo bà T: Ngày 14/4/2017 là ngày các bên thỏa thuận và tiến hành thủ tục chuyển nhượng nhưng đến ngày 26/4/2017 bà T mới yêu cầu ông M-bà C viết cam kết là phòng rủi ro khi ông M-bà C bội ước. Do đó, khi ký với tư cách là người làm chứng, bà P có ghi ngày 14/4/2017 ở phần làm chứng của ông Nguyễn Tiến D là nhằm xác định ngày các bên thỏa thuận, ngày 14/4/2017 là đúng. Như vậy, căn cứ vào giấy cam kết, lời khai của bà T và xác nhận của bà P với tư cách là người làm chứng thì ông M-bà C là người đứng tên giúp giấy chứng nhận nhà đất tại thôn B và là người vay tiền giúp cho bà T như lời khai của bà T, ông D, ông M-bà C. Bà P cho rằng ông M-bà C mua nhà đất của bà T là không có cơ sở. Bà T xác nhận số tiền 170.000.000đ mà bà vay của mẹ con bà P chính là số tiền mà ông M-bà C ghi giấy nợ cho ông Q. Việc ghi giấy nợ là theo yêu cầu của bà P, nhằm ràng buộc ông M-bà C đối với số tiền bà T vay của bà P vì ông M-bà C là người đang đứng tên nhà đất của bà T, còn vì sao ghi nợ cho ông Q thì bà T cũng không rõ.

[3.4.2] Thứ hai, ngoài các nội dung thể hiện tại giấy cam kết ngày 26/4/2017, tại giấy nợ do ông M-bà C ghi không ngày, tháng năm, cho ông Q, ông M-bà C có cam kết là sau khi ra sổ, tức giấy chứng nhận tên ông M, ông M có trách nhiệm vay ngân hàng và trả lại cho ông Q số tiền đã vay. Sổ đỏ đứng tên ông M chính là giấy chứng nhận nhà đất tại thôn B. Điều này thể hiện việc bà T vay của bà P 170.000.000đ có liên quan đến số tiền 170.000.000đ mà ông M-bà C ghi nợ cho ông Q. Bà T xác định là sau khi vay tiền tại Ngân hàng T, ông M đã giao tiền cho bà T và bà T trả cho bà P 170.000.000đ. HĐXX thấy: Trong trường hợp ông M-bà C có vay tiền ông Q để mua nhà bà T như bà P khai thì đương nhiên là sau khi vay được tiền vào ngày 28/4/2017 thì ông M-bà C phải trả cho ông Q như cam kết, không có lý do gì mà ông M-bà C lại giao toàn bộ số tiền vay 240.000.000đ cho bà T, trong khi việc mua bán nhà đất giữa ông M-bà C với bà T đã hoàn thành vào ngày 14/4/2017, trước khi ông M-bà C vay tiền 14 ngày. Bà T, ông M bà C và ông D đều cho rằng số tiền mà ông M-bà C viết giấy nợ cho ông Q chính là số tiền mà bà T vay của bà P, là có căn cứ. Số tiền bà T vay là 170.000.000đ, người cho vay là ông Đặng Vinh Q cũng chính là số tiền 170.000.000đ do ông M-bà C ghi nợ cho chính ông Đặng Vinh Q theo giấy nợ không ngày, tháng, năm nói trên. Ông Q đã lợi dụng sự sơ hở của ông M-bà C và bà T là sau khi bà T trả 170.000.000đ, bà T chỉ hủy giấy nợ giữa bà T và bà P nhưng không hủy giấy nợ do ông M-bà C ghi cho ông Q, để khởi kiện, yêu cầu ông M bà C trả tiền lần hai.

[3.5] Xét giấy nợ do ông M-bà C ghi nợ ông Q dưới góc độ là một giao dịch độc lập, không liên quan đến việc bà T vay tiền bà P cũng như việc ông M-bà C đứng tên nhà đất giúp bà T vay tiền, thì thấy: Bà P xác định là sau khi ghi giấy nợ 170.000.00đ cho ông Q, ông M-bà C ra về, ông Nguyễn Tiến D ở lại và ông D là người trực tiếp nhận số tiền 170.000.000đ, do bà Đặng Thị X nhận từ ông Q, để giao cho bà P, bà P giao ông D nhận. Còn ông D thì tại phiên làm việc của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ngày 02/01 2020 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông D xác định là ông D không nhận của bà P số tiền 170.000.000đ, như bà P khai. Như vậy, nếu cho

rằng có việc giao dịch vay tiền giữa ông M-bà C với ông Q thì ông M-bà C chưa nhận được tiền vay như lời khai của bà P vì theo bà P khai là ông D nhận giúp ông M-bà C số tiền vay 170.000.000đ. Do đó ông Q khởi kiện yêu cầu ông M-bà C trả số tiền 170.000.000đ là không có cơ sở. Nếu có cơ sở cho rằng ông D đã nhận 170.000.000đ thì người trả nợ cho ông Q là ông D chứ không phải ông M-bà C.

[3.6] Như phân tích trên, xét ở mọi góc độ thì việc ông Đặng Vinh Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn M-bà Trần Thị C trả 170.000.000đ là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy ghi nợ do ông Nguyễn M-bà Trần Thị C ghi cho ông Đặng Vinh Q để buộc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền 170.000.000đ là chưa đánh giá chứng cứ trong mối quan hệ biện chứng. HĐXX phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn M; Sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của ông Đặng Vinh Q như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[3.8] Do bác yêu cầu khởi kiện nên ông Đặng Vinh Q phải chịu án phí đối với số tiền 170.000.000đ.

[3.9] Do sửa án sơ thẩm nên ông Nguyễn M không chịu án phí DSPT và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ Điều 91, 93 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn M; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng.

1.1 Bác toàn bộ yêu cầu của ông Đặng Vinh Q về việc buộc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C trả số tiền: 170.000.000đ.

1.2 Án phí DSST: Ông Đặng Vinh Q phải chịu 8.500.000đ được trừ vào 4.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu số: 0004461 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Đà Nẵng). Ông Đặng Vinh Q phải nộp tiếp số tiền án phí là: 4.250.000đ.

2/ Ông Nguyễn M không chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn 300.000đ tạm ứng án phí DSPT đã nộp (biên lai thu số: 0005176 ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Đà Nẵng).

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng.
- TAND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Chí Trung